|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| CÂU | ĐÁP ÁN **SINH** *– KHỐI 11(XH)* | ĐIỂM |
| 1 | * Tạo ra sức hút nước ở rễ.
* Giảm nhiệt độ bề mặt thoát hơi → tránh cho lá, cây không bị đốt nóng khi nhiệt độ quá cao.
* Giúp khí khổng mở tạo điều kiện để CO2 đi vào thực hiện quá trình quang hợp,
* Giải phóng O2 điều hoà không khí....
 | 0.50.50.50.5 |
| 2 | Đứng dưới bóng cây có quá trình thoát hơi nước của lá làm hạ nhiệt độ môi trường xung quanh  | 1 |
| 3 | * Quá trình cố định ni tơ phân tử: là sự liên kết giữa N2 với H2 hình thành NH3
* Con đường sinh học cố định nitơ: Thực hiện trong điều kiện có các lực khử mạnh,/ được cung cấp ATP, /có sự tham gia của enzim nitrogenaza,kị khí. /Do các vi sinh vật thực hiện, gồm 2 nhóm:

 + Nhóm VSV sống tự do như vi khuẩn lam+ Nhóm cộng sinh với rễ cây Họ đậu là chi Rhizobium | 0.510.250.25 |
| 4 | Phản ni trat: Nitrát (NO3-)N2/Trong đất xảy ra quá trình chuyển hóa NO3- 🡒 thành N2 do vi sinh vật kị khí thực hiện, /diễn ra mạnh trong đất kị khí . /Ngăn chặn sự mất mát ni tơ cần làm cho đất thoáng | 1 |
| 5 | Tiêu hoá ở động vật có ống tiêu hoá:* Thức ăn được tiêu hóa ngoại bào .
* Thức ăn đi qua ống tiêu hoá được biến đổi cơ học, hoá học /trở thành những chất dinh dưỡng đơn giản và được hấp thụ vào máu.
* Các chất không được tiêu hoá trong ống tiêu hoá sẽ tạo thành phân và được thải ra ngoài
* Ví dụ: Tiêu hoá ở giun đất, côn trùng, chim, tiêu hoá ở người
 | 0.50.50.50.5 |
| 6 | * Tiêu hoá là quá trình biến đổi các chất dinh dưỡng có trong thức ăn/ thành những chất đơn giản/ cho cơ thể hấp thụ
* Tiêu hoá nội bào (động vật đơn bào): /thức ăn được tiêu hoá trong không bào tiêu hoá
* Tiêu hoá ngoại bào (nhóm động vật khác):/ thức ăn được tiêu hoá ở bên ngoài tế bào, /trong túi tiêu hoá hoặc trong ống tiêu hoá
 | 0.750.50.75 |